

LUẬN THẬP TRỤ TỶ BÀ SA QUYỂN 7

Phẩm 13: PHÂN BIỆT PHÁP THÍ

Đối với bố thí tiền của, Bồ-tát nên tu học như vậy. Ngoài ra, nên tu học bố thí pháp. Như kệ nói:

*Trong các thí Pháp thí hơn hết,
Người trí nên tu hành pháp ấy.*

Trong hết thảy các pháp bố thí, thì pháp thí là pháp bậc nhất và tốt đẹp nhất. Bố thí theo pháp này, người trí nên thực hành.

Hỏi: Tại sao ông chỉ nói người trí nên thực hành pháp thí?

Đáp: Nếu thực hành pháp thí mà không có trí tuệ, tức là nói dị luận. Nói dị luận thì mình mất lợi và làm cho kẻ khác mất lợi.

Hỏi: Những gì gọi là dị luận?

Đáp: Khi sắp diệt độ, Phật bảo thầy A-nan: “Kể từ nay về sau, thầy nên nương tựa vào Tu-đa-la (Khế kinh), đừng nương tựa vào ai khác. Này A-nan! Thế nào là nương tựa vào Tu-đa-la mà không nương tựa vào ai khác? Ví như có thầy Tỳ-kheo đến nói như vậy: Tôi hiện theo Phật nghe pháp, lãnh nhận lời Ngài dạy, đó là pháp, đó là thiện, đó là những gì Phật đã dạy. Thầy Tỳ-kheo ấy nói vậy, ông chớ chấp nhận hay xả bỏ mà cần phải suy xét nghe cho kỹ, rồi đem kinh luật đối chiếu với những lời thầy ấy nói. Nếu lời ấy không trùng với kinh luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, thì ông nên bảo thầy Tỳ-kheo ấy: Pháp ấy hoặc không phải Phật nói, hoặc là trưởng lão đã nhận lãnh sai lầm. Vì sao? Vì pháp ấy không đúng với kinh luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, cho nên đó chẳng phải là pháp, chẳng phải là thiện, chẳng phải là những gì mà Phật dạy. Biết như vậy rồi thì nên gạt bỏ đi.

Lại có thầy Tỳ-kheo khác đến nói như vậy: Nơi trú xứ của đại

chúng kia có vị Thượng tọa giỏi thuyết kinh luật, tôi đang theo vị ấy nghe pháp, lãnh thọ lời dạy, đó là pháp, đó là thiện, là những gì mà Phật đã dạy. Lời thầy Tỳ-kheo ấy nói, ông chớ chấp nhận mà cũng chớ xả bỏ, cần phải suy xét nghe cho kỹ rồi đem kinh luật đối chiếu với những lời mà thầy ấy nói. Nếu lời ấy không đúng với kinh luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, thì ông nên bảo thầy Tỳ-kheo ấy: Này Trưởng lão! Vị Tỳ-kheo Tăng với pháp tướng và thiện tướng ấy, hoặc đã làm chuyện phi pháp, đã nói điều không phải, hoặc là trưởng lão đã nhận lãnh sai lầm. Vì sao? Vì pháp ấy không đúng với kinh luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, nên nó chẳng phải là pháp, chẳng phải là thiện, chẳng phải là những gì mà Phật đã dạy. Biết như vậy rồi, nên gạt bỏ đi.

Lại có thầy Tỳ-kheo khác đến nói như vậy: Ở trú xứ kia, có nhiều Tỳ-kheo trì kinh, trì luật, trì Ma-đa-la-ca, tôi hiện theo nơi ấy mà nghe pháp, nhận lãnh lời dạy, đó là pháp, đó là thiện, là những gì mà Phật đã dạy. Thầy Tỳ-kheo ấy nói, ông chớ chấp nhận cũng chớ có bỏ đi, mà cần phải suy xét cho kỹ, rồi đem kinh luật đối chiếu với những lời mà thầy ấy nói. Nếu lời ấy không đúng với kinh luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, thì ông nên bảo thầy Tỳ-kheo ấy: Này Trưởng lão! Với pháp tướng và thiện tướng của Tỳ-kheo Tăng ấy, hoặc đã làm chuyện phi pháp, hoặc đã nói điều không phải, hoặc là trưởng lão đã nhận lãnh sai lầm. Vì sao? Vì pháp ấy không đúng với kinh luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, cho nên đó chẳng phải là pháp, chẳng phải là thiện, chẳng phải là những gì mà Phật đã dạy. Biết như vậy rồi nên gạt bỏ đi.

Lại có thầy Tỳ-kheo khác đến nói như vậy: Trong trú xứ kia, có Trưởng lão Tỳ-kheo là người hiểu nhiều biết rộng, đáng tôn trọng. Tôi hiện theo vị ấy nghe pháp, nhận lãnh lời dạy, đó là pháp, đó là thiện, là những gì mà Phật đã dạy. Thầy Tỳ-kheo ấy nói, ông chớ chấp nhận cũng chớ bỏ qua, cần phải suy xét nghe cho kỹ, rồi đem kinh luật đối chiếu với những lời thầy ấy nói. Nếu lời ấy không đúng với kinh luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, thì ông nên bảo thầy Tỳ-kheo ấy: Này Trưởng lão! Tỳ-kheo có pháp tướng và thiện tướng ấy, hoặc đã làm chuyện phi pháp, hoặc đã nói điều không phải, hoặc trưởng lão đã nhận lãnh sai lầm. Vì sao? Vì pháp ấy không đúng với kinh luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, cho nên đó chẳng phải là pháp, chẳng phải là thiện, chẳng phải là những gì mà Phật đã dạy. Biết như vậy rồi, nên gạt bỏ đi”.

Bốn việc vừa nói đó là dị luận. Vì vậy nói người trí không nương vào dị luận mà thực hành pháp thí thanh tịnh.

Hỏi: Làm sao biết pháp thí là cao hơn hết trong các loại bố thí?

Đáp: Kinh nói: “Bố thí có hai loại, là bố thí tiền của và bố thí pháp. Trong hai loại ấy, thì pháp thí là cao hơn hết. Lại nữa:

*Trong kinh Quyết Định Vương Đại Thừa,
Ca ngợi về công đức thuyết pháp,
Và nghi thức trước khi thuyết pháp,
Nên thường xuyên tu tập thực hành.*

Nếu muốn bố thí pháp cho chúng sinh thì Bồ-tát phải làm như kinh Quyết Định Vương Đại Thừa, là khen ngợi công đức của pháp sư, và nắm rõ nghi thức thuyết pháp mà tùy thuận tu học. Nghĩa là người thuyết pháp phải thực hành bốn pháp. Những gì là bốn? Đó là:

1. Học nhiều hiểu rộng, có khả năng làm chủ được hết thủy lời ăn tiếng nói, câu chữ sách vở.

2. Biết một cách chắc chắn về mọi pháp thế gian và xuất thế gian đều là tướng sinh diệt.

3. Đã được thiên định và trí tuệ, đối với các kinh pháp nên tùy thuận không còn tranh cãi.

4. Thực hành như pháp đã thuyết không thêm cũng không bớt.

Nơi thuyết pháp là tòa sư tử lại có bốn pháp. Những gì là bốn? Đó là:

1. Sắp bước lên pháp tòa, trước tiên nên cung kính lễ bái đại chúng, sau đó mới bước lên pháp tòa.

2. Trong thính chúng có người nữ thì nên quán bất tịnh.

3. Oai nghi nhìn ngó tướng của bậc Đại nhân, phô diễn pháp âm với nét mặt hài hòa thanh thản làm cho mọi người đều tin nhận, không nói đến kinh sách ngoại đạo, tâm không có gì khiếp sợ.

4. Đối với những câu hỏi vặn thô lỗ, nên thực hành nhẫn nhục để trả lời.

Ở trên tòa sư tử lại có bốn pháp. Những gì là bốn? Đó là:

1. Đối với các chúng sinh phát sinh ý tưởng làm nhiều lợi ích.

2. Đối với các chúng sinh không nảy sinh ý tưởng về ngã.

3. Đối với các loại văn tự không nảy sinh ý tưởng về pháp.

4. Nguyên cho các chúng sinh nghe pháp từ mình thuyết giảng sẽ không thối chuyển đối với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ở trên tòa sư tử lại có bốn pháp. Những gì là bốn? Đó là:

1. Luôn luôn khéo an trú trong pháp môn Đà-la-ni, tin và thích

giáo pháp sâu sắc.

2. Cố gắng đạt được Bát-chu Tam-muội, chịu khó thực hành tinh tiến trì giới thanh tịnh.

3. Không thích tất cả mọi nơi sinh ra, không tham lợi dưỡng, không cầu quả báo.

4. Đối với ba giải thoát môn tâm không có gì nghi ngờ.

Lại có năng lực dễ dàng phát khởi các Tam-muội sâu xa, đầy đủ oai nghi, nhớ nghĩ kiên cố, ý niệm an trú trong trí tuệ, không đùa cợt, không vội vàng, biết hổ thẹn, không mê loạn, lời nói không có sai lầm, giữ gìn các căn, không tham mùi vị thơm ngon. Khéo léo thâm nhiếp tay chân, mọi ý niệm đã nghĩ đến không quên. Thích thực hành Đầu đà, phân biệt rõ ràng pháp thế gian và xuất thế gian, tâm không nghi ngờ hối tiếc, ngôn từ chương cú không thể nào cùng tận, cầu lợi ích an ổn cho tất cả người nghe chứ không tìm đến sai lầm của họ. Có những pháp như vậy thì thích hợp ở trên tòa sư tử.

1. Không tự khinh mình (mặc cảm).

2. Không coi thường thánh giả.

3. Không xem thường những gì mình nói.

4. Không vì lợi dưỡng.

Đức Phật bảo A-nan: Người thuyết pháp nên nói những pháp gì? Này A-nan! Những pháp đáng nói là pháp vô vi, vô tướng không thể nêu ra, không thể diễn tả được.

Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn! Pháp nếu như vậy thì làm sao có thể nói?

Đức Phật nói: Này A-nan! Pháp này rất sâu xa cho nên Như Lai dùng bốn tướng làm phương tiện để diễn nói cho mọi người đều biết:

1. Dùng âm thanh.

2. Dùng tên gọi.

3. Dùng lời nói.

4. Dùng nghĩa lý.

Lại dùng bốn nhân duyên để nói pháp cho mọi người đều nghe:

1. Chúng sinh đáng độ thì nên độ.

2. Chỉ nói đến tên gọi của sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

3. Dùng các loại văn từ, chương cú làm lợi ích cho chúng sinh.

4. Dù có dùng tên gọi để nói nhưng cũng không đạt được.

Ví như bát dầu thanh tịnh không vết bẩn, người nhìn vào trong đó tự thấy mặt mình. Này A-nan! Thấy hoặc thấy hoặc nghe người nam trí tuệ, hay người nữ trì giới, hoặc đệ tử bậc Thánh nào có thể nói rằng tôi

nhìn vào bát dẫu thấy có người thật, hay không?

Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn! Con không nghe, không thấy người nam trí tuệ, người nữ trì giới, đệ tử bậc Thánh nào có thể nói tôi thấy có người thật trong bát dẫu. Vì sao? Vì người trí biết trước là bát dẫu không có, huống gì là có người. Chỉ mượn tạm danh từ mà nói nhìn vào bát dẫu thấy có tướng người.

Đức Phật nói: Này A-nan! Như Lai cũng lại như vậy, chỉ dùng đến gọi mà nói những gì giả có. Này A-nan! Như Lai dùng bốn nhân duyên để nói pháp. Chúng sinh nghe rồi tâm được an lạc, gieo trồng nhân của Niết-bàn. Khi Như Lai nói pháp, âm thanh trùm khắp mười phương thế giới. Chúng sinh nghe thấy tâm được hoan hỷ, xa lìa những đường ác, sinh lên cõi trời Đâu-suất. Trong âm thanh của Như Lai không có nam-không có nữ, nam không giữ lấy tướng nữ, nữ không giữ lấy tướng nam. Âm thanh của Như Lai không nào hại đến chúng sinh, không hủy hoại các pháp, chỉ là nêu rõ tánh của âm thanh. Người thuyết pháp nên luyện tập thực hành điều này, nên thuận theo nơi thực hành mà bố thí giáo pháp cho chúng sinh. Người thí và người nhận cảm được quả báo, sau này sẽ nói rộng hơn.

Phẩm 14: QUY MẠNG TƯỚNG

Ở trên đã nói về tài thí và pháp thí, nay lại phân biệt rõ hơn.

Hàng đệ tử bạch y tại gia,

Cần phải thực hành nhiều tài thí,

Còn lại những pháp thiện hạnh khác,

Nay sẽ tiếp tục giải thích thêm.

Trong hai loại bố thí này, người tại gia nên thực hành tài thí, người xuất gia nên thực hành pháp thí. Tại vì sao? Bởi vì người tại gia thực hành pháp thí không bằng người xuất gia, mà người nghe nhận giáo pháp lại thuộc về hàng tại gia vốn có tín tâm rất cạn cột mỏng manh. Vả lại, người tại gia có nhiều tiền bạc của cải, người xuất gia thì đối với các kinh pháp đọc tụng thông hiểu, giải thích cho người khác biết, ở giữa mọi người không có gì sợ hãi; không phải là người tại gia mà có thể sánh bằng, cũng khiến cho người nghe khởi tâm cung kính không bằng người xuất gia. Hơn nữa, nếu muốn thuyết pháp làm cho tâm người thuần phục, thì không bằng người xuất gia. Như nói:

Trước tự mình tu hành đúng pháp,

Sau đó dạy bảo cho người khác,

*Mới có thể nói lời như vậy:
Ông thuận theo điều tôi thực hành...*

Đó là việc mà người xuất gia làm rất phù hợp, không phải là việc mà người tại gia làm được. Lại nói:

*Bản thân mình làm điều bất thiện,
Sao có thể khiến người làm thiện?
Tự mình không thể nào rỗng lặng,
Sao có thể khiến người rỗng lặng?
Vì vậy chính mình làm điều thiện,
Có thể khiến người khác hành thiện,
Tự mình đã đạt được rỗng lặng,
Có thể khiến người được rỗng lặng.*

Pháp thiện tịch diệt, là pháp nên làm của người xuất gia. Hơn nữa, người nghe pháp có tâm cung kính tốt đẹp đối với người xuất gia. Vả lại, nếu thực hành tài thí thì người xuất gia làm trở ngại cho những pháp thiện khác, cũng trở ngại cho hạnh viển ly, vì người tu hành sống nơi A-lan-nhã thanh vắng, nơi núi rừng. Nếu ham làm tài thí thì người xuất gia phải trở ngại đến chuyện tu hành. Những sự việc như vậy, nếu làm việc tài thí thì cần phải đến nơi làng xóm, làm việc theo bạch y, giao tiếp nói năng nhiều. Nếu không làm việc theo đời thì làm sao có tiền của mà bố thí? Vì lui tới xóm làng cho nên khó mà thâm nhiếp nghiệp của các căn, đứng trước những điều thấy-nghe-thanh-sắc, dễ sinh ra ba độc, đồng thời tâm phân tán đối với việc trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ. Sống theo lối bạch y thì tâm sẽ bị vấy nhiễm trong lợi dưỡng, phát sinh các tâm lý yêu, ghét, giận hờn, keo kiệt đầy phiền não. Sức suy nghĩ phải chống đỡ sinh ra ức chế tâm lý, nếu kẻ yếu đuối thì không tự kìm chế nổi, hoặc có thể dẫn đến bỏ mạng, hoặc phải chết vì những phiền não khốn đốn. Tham đắm năm dục, xả giới hoàn tục vốn gọi là chết. Hoặc luôn luôn trái với giới cấm, gây ra nhiều tội nặng, đó gọi là chết vì những phiền não khốn đốn.

Vì những lý do ấy mà người xuất gia được khen ngợi là người thực hành pháp thí, người tại gia được khen ngợi thực hành tài thí. Như vậy đã nói rộng về Bồ-tát tại gia thực hành tài thí. Còn những thiện hạnh khác nay sẽ nói đến. Khi phát tâm Bồ-tát, thì trước hết phải quy y Phật-Pháp-Tăng. Nhờ ba quy mà được công đức, công đức có được đều hồi hưởng về quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa:

*Quy y Phật-pháp và chúng Tăng,
Điều mà Bồ-tát cần phải biết.*

Bồ-tát phải hiểu rõ như thật về quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Hỏi: Thế nào gọi là quy y Phật?

Đáp:

*Không rời bỏ tâm đạo Bồ-đề,
Không hủy hoại giáo pháp đã thọ,
Không xa lìa tâm niệm Đại Bi,
Không ham thích đối với Thừa khác,
Như vậy thì gọi là Bồ-tát,
Quy y Phật thật sự như pháp.*

Tâm Bồ-đề là tâm đã phát nguyện cầu Phật, không dừng nghỉ, không buông rời tâm ấy. Không làm hư pháp mình đã tiếp nhận, là các Bồ-tát phải yêu mến giới hạnh, đó là pháp thiện mà mình ham thích, là pháp dạy làm những gì nên làm và không làm những gì ngăn cấm. Đó là nên thực hành các Ba-la-mật, hoặc nên thực hành bốn xứ sở của công đức. Làm mọi pháp thiện như vậy là đem lại ích lợi cho chúng sinh. Thọ trì, tu hành đều không khiến cho thiếu sót, hư hoại. Tâm Đại Bi là tâm cứu vớt chúng sinh đang khổ não, vì cầu Phật đạo cho đến trong chiêm bao cũng không rời bỏ tâm này.

Không ham thích các Thừa khác, là chỉ ham thích tin sâu sắc vào Phật đạo, không ham theo Thanh văn thừa và Bích-chi-Phật thừa. Có được những pháp này thì nên biết đó là như thật quy y Phật.

Hỏi: Thế nào là quy y Pháp?

Đáp:

*Gần gũi người giảng giải giáo pháp,
Nhất tâm lắng nghe nhận giáo pháp,
Duy trì nhớ nghĩ mà giảng nói,
Như vậy gọi là quy y pháp.*

Người nói pháp là người phô bày, giải thích, giảng nói sự sâu xa của pháp Phật, chỉ rõ thiện và ác, đoạn trừ mọi nghi ngờ mê hoặc. Nên luôn gần gũi và thường đến nơi ấy, một lòng cung kính cúng dường để lắng nghe và tiếp nhận. Dùng sức mạnh của nhớ nghĩ để nắm giữ không quên suy nghĩ theo giáo pháp tùy thuận với nghĩa sâu xa, sau đó giảng nói cho mọi người những gì mình hiểu. Đem công đức pháp thí này hồi hướng về Phật đạo. Đó gọi là quy y Pháp.

Hỏi: Thế nào là quy y Tăng?

Đáp:

Như những người thuộc hành Thanh văn,

*Chưa bước vào phần vị của pháp,
 Khiến cho phát tâm đạo vô thượng,
 Để đạt được mười lực của Phật,
 Trước hết dùng tài thí thâu nhiếp,
 Sau đó mới dùng đến pháp thí,
 Tin sâu sắc bốn quả Sa-môn
 Coi trọng chúng Tăng không phân biệt,
 Cầu mong công đức của Thanh văn,
 Mà không chứng đến quả giải thoát,
 Như vậy gọi là quy y Tăng,
 Cũng cần phải nghĩ đến ba điều.*

Người thanh văn là người thành tựu thanh văn chưa bước vào pháp vị là đối với đạo Thanh văn chưa được Tất định, có thể giúp người này phát tâm Phật đạo mà đạt được mười lực. Nếu như người bước vào pháp vị thì cuối cùng không thể khiến họ phát tâm vô thượng nữa. Giả sử có phát tâm thì cũng không thành tựu, như Tôn giả Tu-bồ-đề đã nói trong Bát Nhã Ba-la-mật, đã bước vào pháp vị chính thức thì không thể phát tâm vô thượng nữa. Vì sao? Vì người này đã tách mình ra khỏi sinh tử, không còn qua lại trong sinh tử.

Người phát tâm vô thượng, trước hết đem của tiền bố thí để thâu nhiếp người ta, đem những thứ cần dùng như y phục, đồ ăn uống, đồ nằm, thuốc men mà giúp cho để thâu nhiếp họ. Người xuất gia thì thâu nhiếp bằng cách giúp cho y phục, đồ ăn uống, đồ nằm, thuốc men, tạp hương, hương xoa. Người tại gia thì thâu nhiếp họ bằng nhân duyên, làm cho sinh tâm thân ái, những gì nói ra khiến cho họ tin nhận, rồi sau đó mới dùng pháp thí, khiến họ phát tâm đạo vô thượng.

Quả của Tăng là bốn hướng-bốn quả.

Chúng là những người tiếp nhận hình tướng xuất gia ở trong giáo pháp Phật, là những người vâng giữ giới cấm, không phân biệt là đã có quả hướng hay chưa có. Tăng như vậy là đã lìa khỏi sự nô lệ của ân ái, cho nên gọi là quý Tăng. Tin tưởng ham thích ba môn giải thoát là Không-Vô tướng-Vô nguyện, nhưng không phân biệt hý luận, nương tựa vào Tăng này thì gọi là quy y Tăng.

Cầu công đức Thanh văn nhưng không chứng giải thoát là biết Tăng này giữ giới đầy đủ, thiền định đầy đủ, trí tuệ đầy đủ, giải thoát đầy đủ, giải thoát tri kiến đầy đủ, ba minh đầy đủ, đạt được sáu thần thông, tâm được tự tại, có đại oai đức, rời bỏ niềm vui thế gian, ra khỏi cảnh giới ma, không dùng làm mừng với lợi lộc danh dự mà đời khen

ngợi. Không dùng làm buồn vì những hư hao, hủy nhục, chế nhạo, khổ sở, luôn thực hành sáu pháp xả, đạt được tám giải thoát theo lời Phật dạy, có người đang hành đạo, có người được giải thoát, có người thực hành một đạo, phá hai loại phiền não, biết thông thạo ba cõi, thông suốt bốn đế, trừ diệt năm ấm, an trú trong sáu pháp hòa kính, đầy đủ bảy pháp không thối chuyển và tám đại nhân giác, rời xa chín kiết sử, được mười loại sức mạnh của Thanh văn. Thành tựu mọi công đức như vậy gọi là chúng đệ tử của Phật. Chỉ mong cầu những công đức như vậy, chớ không mong cầu sự giải thoát ấy. Vì sao? Vì tâm ưa thích và tin sâu vào sự giải thoát vô ngại của Phật. Đó gọi là quy y Tăng.

Lại nữa, nếu nghe pháp bằng chương cú, văn tự, thì có thể nghĩ đến thật tướng của pháp, gọi là quy mạng Pháp. Nếu thấy Thanh văn Tăng thì nghĩ đến các chúng Bồ-tát mà phát tâm Bồ-đề, đó gọi là quy y Tăng. Thấy hình tượng Phật thì nghĩ đến Đức Phật thật sự đó là quy y Phật.

Hỏi: Thế nào gọi là nghĩ đến Đức Phật chân thật thật sự?

Đáp: Như trong kinh Vô Tận ý đã nói về nghĩa của niệm Phật Tam-muội. Nghĩ đến Đức Phật thật sự, là không dùng sắc, không dùng tướng, không dùng nơi sinh, không dùng họ, không dùng nhà, không dùng dùng quá khứ, hiện tại, vị lai, không dùng năm ấm-mười hai nhập-mười tám giới, không dùng kiến văn giác tri, không dùng tâm ý thức, không dùng hành thuộc hý luận, không dùng sinh diệt trú, không dùng lấy bỏ, không dùng nhớ nghĩ phân biệt, không dùng tướng pháp, không dùng tướng mình, không dùng tướng một, không dùng tướng khác, không dùng tâm duyên số, không dùng trong ngoài, không dùng giác quán giữ lấy tướng không dùng xuất nhập, không dùng hình sắc tướng mạo, không dùng những oai nghi đã thực hành, không dùng trì giới-thiền định-trí tuệ-giải thoát-giải thoát tri kiến, không dùng mười lực, bốn vô sở úy và các pháp của Phật.

Như thật niệm Phật, là vô lượng không thể nghĩ bàn, không hành, không biết, không ngã, ngã sở, không nhớ, không nghĩ, không phân biệt năm ấm-mười hai nhập-mười tám giới. Không hình-không ngại-không phát-không trú-không chẳng trú. Không trú sắc-không trú thọ tướng hành thức-không trú nhãn sắc-không trú nhãn thức-không trú nhĩ thanh-không trú nhĩ thức-không trú tỷ hương-không trú tỷ thức-không trú thiệt vị-không trú thiệt thức-không trú thân xúc-không trú thân thức-không trú ý pháp-không trú ý thức. Không trú hết thấy mọi duyên, không khởi hết thấy các tướng. Không sinh hết thấy động niệm, hồi tưởng, phân

biệt... Không sinh kiến-văn-giác-tri. Tùy thuận thực hành hết thấy các tướng giải thoát chân chánh. Tâm không nối theo nhau, diệt hết mọi phân biệt. Phá tan mọi yếu giện hủy hoại các tướng nhân, đoạn trừ tất cả đời trước-đời giữa-đời sau. Cuối cùng thông suốt sáng tỏ, không còn nơi này nơi kia, không loạn động cho nên không vui mừng, không thọ nhận ý vị cho nên không còn ham thích. Bản tướng tịch diệt cho nên không còn nóng bức. Tâm không lo toan cho nên được giải thoát. Tướng không có sắc cho nên không có thân. Không cảm thọ cho nên không có tiếp nhận. Không có tướng cho nên không có kiết sử. Không có hành động cho nên vô vi. Không nhận biết cho nên không có thức. Không giữ lấy cho nên tâm không hoạt động. Không buông bỏ cho nên tâm chẳng phải là không hoạt động. Không nơi chốn cho nên tâm không trú. Trống không cho nên không có đến. Không phát sinh cho nên không có ra đi. Hết thấy đều nhớ nghĩ đến tâm-tâm số pháp và các pháp khác, không tham lam-không đắm trước-không giữ lấy-không tiếp nhận-không như vậy-không diệt. Từ trước đến nay không sinh không có tướng sinh. Thâu nhiếp vào pháp tánh vượt qua nhãn sắc, vào cõi hư không. Tướng như vậy gọi là Chân niệm Phật.

Niệm Pháp là pháp Phật giảng giải về pháp thiện như vậy, cảm được quả báo đời này không có thời hạn nhất định, mà có thể quán sát pháp thiện. Người sắp đến được đạo trí, bên trong biết rõ trước-giữa-sau đều là thiện, lời nói thiện, nghĩa lý thiện thuần túy là thiện không hề lẫn tạp, đầy đủ thanh tịnh. Có năng lực đoạn trừ tham dục, có năng lực đoạn trừ sân hận, có năng lực đoạn trừ ngu si, có năng lực loại bỏ tâm kiêu mạn, có năng lực loại bỏ kiến chấp, có năng lực loại bỏ nghi ngờ hối tiếc, có năng lực loại bỏ cao ngạo coi trọng chính mình, có năng lực loại bỏ mọi sự khao khát, phá tan mọi nơi quay về, đoạn tuyệt con đường nối tiếp nhau, không còn ái nhiễm, lìa xa dục tình, đến nơi Niết-bàn tịch diệt. Tướng như vậy gọi là niệm pháp. Bởi vì không-vô tướng-vô nguyện, là không sinh-không diệt hoàn toàn vắng lặng, không gì sánh được, không gì nêu rõ. Như trong nghĩa niệm Phật đã nói. Vả lại, niệm pháp có ba loại: Thuận theo Phật pháp giảng giải về pháp thiện này, cho đến thanh tịnh đầy đủ thì gọi là Đạo. Có năng lực đoạn trừ tham dục cho đến Niết-bàn tịch diệt, thì gọi là Niết-bàn. Không-Vô tướng... cho đến không gì sánh được, không gì nêu rõ, thì gọi là pháp Thế.

Còn niệm Tăng thì như trước đã nói về công đức của Tăng. Niệm là tâm quyết định thích hợp với Tam bảo như vậy. Dùng ý niệm như vậy mong cầu hướng về Phật đạo mà thực hành bố thí, đó gọi là quy y Phật.

Vì bảo vệ giáo pháp mà thực hành bố thí, đó gọi là quy y pháp. Dùng công đức bố thí này phát tâm hồi hướng, lúc thành tựu Phật đạo đầu nhiếp Bồ-tát và Thanh văn Tăng, đó gọi là quy y Tăng.

Phẩm 15: NĂM GIỚI

Như vậy Bồ-tát tại gia có khả năng tu tập nghiệp của người thiện, tách xa nghiệp của người ác. Như nói:

*Phát khởi tu tập nghiệp người thiện,
Như pháp sử dụng mọi của cải,
Đủ sức thì nhận lấy trách nhiệm,
Không đủ sức thì không tiếp nhận.*

Nghiệp của người thiện, nói gọn là tự mình sống lương thiện, cũng làm cho người khác được lợi ích.

Nghiệp của người ác là tự dìm mình trong suy sụp khổ não, khiến người khác cũng bị suy sụp khổ não.

Của cải cần dùng đúng pháp, là không sát sinh, không ăn trộm, không lừa dối người ta, đem sức mình kiếm tiền của, dùng để cúng dường Tam bảo đúng như pháp. Xót thương giúp cứu kẻ già yếu tật bệnh. Đủ năng lực thực hành thì nhận lấy gánh nặng. Không đủ năng lực thực hành thì không tiếp nhận.

Đối với việc làm ở đời này hoặc đời sau: Nếu Bồ-tát có khả năng làm lợi mình, lợi người, thì công việc được thành lập như trước đã nói. Nếu biết mình không đủ năng lực thực hành thì không tiếp nhận. Lại nói:

*Pháp thế gian không buồn-vui gì,
Luôn luôn xả đối với tự lợi,
Thường chịu khó thực hành lợi tha,
Biết ân sâu sắc đền gấp bội.*

Pháp thế gian là những chuyện lợi lộc, suy tàn, đổ nát, danh dự, khen ngợi chê bai nhạo, khổ vui. Lòng không buồn-vui gì đối với những hiện tượng ấy. Buông bỏ tự lợi, siêng năng làm lợi cho người, là những hạnh thiện mà Bồ-tát làm, không nhắm vào cho mình, mà thì ngay cả những người chưa hề quen biết, những người không có nhân duyên mà Bồ-tát thực hành điều thiện, thực hành buông xả tự lợi để giúp đỡ người khác thành tựu thiện nghiệp.

Hỏi: Xả bỏ lợi mình chịu khó thực hành làm lợi ích cho người, điều này không phải như vậy. Như Phật nói: Tuy là lợi ích nhiều nhưng người

ta không bằng lòng tự rời bỏ lợi ích của mình. Như nói: Bỏ một người để có ích cho một nhà, bỏ một nhà vì lợi ích cho một làng, bỏ một làng vì lợi ích của một nước, bỏ một nước để thành tựu chính mình, bỏ chính mình để bảo vệ chánh pháp.

*Trước hãy tự thành tựu lợi mình,
Sau đó mới làm lợi cho người,
Bỏ lợi mình làm lợi cho người,
Sau sẽ sinh buồn phiền hối tiếc,
Bỏ lợi mình làm lợi cho người,
Tự cho rằng là người trí tuệ,
Như vậy ở trong thế gian này,
Thật là hạng ngu si thứ nhất.*

Đáp: Ở đời này, làm lợi cho kẻ khác, còn được khen là thiện, là có tâm vững chắc, huống là Bồ-tát đã làm mọi chuyện vượt qua thế gian, nếu lợi người thì chính là lợi mình. Như nói:

*Bồ-tát đối với việc của người,
Tâm ý không hèn nhác yếu đuối,
Người phát tâm Bồ-đề cao cả,
Lợi cho người chính là lợi mình.*

Nghĩa này đã nói rộng ở phần đầu, vì vậy lời ông vừa nói là không đúng.

Biết ơn sâu đến đáp gấp bội, là nếu ai làm chuyện tốt cho mình, thì Bồ-tát luôn báo đền trọng hậu. Lại nữa, biết được ơn sâu kia, thì đây là người có tướng thiện. Lại nữa:

*Người nghèo khó dùng của giúp đỡ,
Người sợ hãi giúp cho không sợ,
Những công đức tốt đẹp như vậy,
Luôn luôn giữ gìn thật vững chắc.*

Ai nghèo thì cho của cải, là có kẻ đời trước không gieo trồng phước đức, cho nên đời này thiếu phương tiện sống mà sống thiếu hụt. Tuy năng lực của mình mà Bồ-tát xót thương chu cấp cho người ấy.

Cho điều không sợ hãi, là đối với mọi thứ sợ hãi, như sợ hãi vì oán thù, sợ hãi vì đói rét, nóng lạnh, cháy nhà, lụt lội... thì Bồ-tát khuyến nhủ dạy dỗ cho những người luôn luôn lo sợ ấy, khiến họ được an ổn vui vẻ, xua tan sợ hãi cho họ. Công đức như vậy thật vững chắc. Cuối cùng đối với những người mang nhiều lo âu, Bồ-tát xua tan lo âu cho họ. Kẻ thiếu năng lực, Bồ-tát giúp họ thực hành nhẫn nhục, xa lìa ngạo mạn ... Đối với ai được tôn kính, Bồ-tát làm tăng thêm sự cung kính. Đối với

người học rộng, Bồ-tát luôn gần gũi, tiếp xúc. Đối với người trí tuệ, Bồ-tát luôn hỏi han thỉnh ý về điều thiện ác. Đối với những gì mà Bồ-tát thường tự làm, thì luôn làm với chánh kiến. Đối với những ai không có lòng quanh co đua nịnh, không có yêu mến giả dối, thì Bồ-tát cầu điều thiện ở họ, không chán nản mà cầu học rộng không cùng, giữ tâm vững chắc để thành tựu mọi chuyện làm bố thí. Thường cùng sống cùng làm theo người thiện. Đối với kẻ ác, Bồ-tát sinh tâm Đại Bi. Đối với hàng thiện tri thức hay không phải thiện tri thức, Bồ-tát đều giữ chắc ý tưởng của hàng thiện tri thức. Có tâm bình đẳng đối với chúng sinh, không keo kiệt trong việc nói các pháp yếu. Giảng nói hết cho người những gì mà mình hiểu biết, những ý nghĩa cao sâu của những pháp mà mình nghe. Bồ-tát có ý niệm về vô thường đối với mọi thú vui của năm dục. Đối với vợ con, Bồ-tát có ý niệm về cảnh địa ngục. Đối với tài sản riêng tư, Bồ-tát có ý niệm về bệnh khổ. Đối với công việc và sản nghiệp, Bồ-tát sinh ý niệm ưu phiền. Đối với mọi mong cầu, Bồ-tát có ý niệm như căn thiện bị phá hoại. Đối với sự sống ở nhà, Bồ-tát có ý niệm như lao ngục. Đối với thân tộc, tri thức, Bồ-tát có ý niệm như cai ngục. Ngày đêm suy nghĩ với ý niệm là được lợi gì? Với ý niệm là được thân bền chắc hay thân không bền chắc? Với ý niệm được của cải bền chắc hay của cải không bền chắc? Lại nữa:

Pháp của tại gia là năm giới,

Tâm thuận theo an trú vững vàng.

Bồ-tát tại gia lấy ba tự quy để thực hành công đức nói trên, và thuận theo an trú vững vàng vào năm giới. Năm giới là pháp chung của tại gia, phải xa lìa tâm giết hại, có lòng thương xót chúng sinh, tự biết đủ, không tham đồ đạc của người khác, cho đến một cọng cỏ, người ta không cho thì cũng không lấy. Lìa khỏi tà dâm, chán ngán chuyện phòng the. Ngăn ngừa tránh xa các sắc bên ngoài, mắt không nhìn ngó tà vạy. Thường nhìn xét những cái xấu phơi bày để sinh ý niệm chán ngán xa lìa. Biết rõ năm dục cuối cùng đều là khổ. Nếu có ý niệm ham muốn với vợ thì cũng phải buông bỏ, thường xem đó là bất tịnh, tâm luôn luôn lo sợ, những trói buộc của kiết sử rất ngặt nghèo, lìa khỏi ham muốn, không mê đắm, luôn biết thế gian là khổ và vô ngã, thuận theo phát nguyện như vậy: Đến lúc nào ý niệm ham muốn ở trong tâm mình sẽ có thể không phát sinh? Vả lại, thân thực hành xa lìa nói dối, vui thích thực hành nói lời chân thật không lừa dối mọi người. Tâm và miệng tương ứng có ý niệm an ổn sáng suốt, như những điều thấy nghe hiểu biết mà giải thích cho người khác. Tự mình sống theo pháp, thậm

chí mất mạng nhưng lời nói không gian trá lừa dối. Rượu là gốc của mọi điều phóng túng xấu xa, thường phải xa rời không để cho dính vào miệng, không cuồng loạn mê say, không nóng nảy, không kinh sợ, biết hổ thẹn, không bỡn cợt, thường tự mình lắng lòng suy nghĩ mọi điều tốt xấu. Bồ tát này có lúc thích buông xả tất cả mà dấy lên ý niệm như vậy. Người cần cái ăn thì cho ăn, người cần uống thì cho uống. Nếu đem rượu bố thí thì nên có ý niệm như vậy: Nay là lúc thực hành bố thí Ba-la-mật, tùy theo sự mong cầu mà giúp cho. Sau đó nên tìm cách khuyên nhủ khiến cho xa lìa rượu, có được ý niệm trí tuệ để không còn phóng túng. Tại vì sao? Bởi vì pháp bố thí Ba-la-mật là làm thỏa mãn mọi mong cầu của người khác. Bồ tát tại gia đem rượu bố thí cho người như vậy thì không có tội, dùng phước đức năm giới này hồi hướng cho quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hộ trì năm giới giống như bảo vệ vật báu vô giá, như bảo vệ thân mạng của mình.

Hỏi: Bồ-tát này chỉ cần phải hộ trì năm giới, còn các nghiệp thiện khác thì không hộ trì hay sao?

Đáp:

*Bồ tát nên an trú vững vàng,
Trong tướng tổng quát của năm giới,
Còn những nghiệp của thân-miệng-ý,
Tất cả cũng cần phải thực hành.*

Nói xong ý nghĩa của năm giới tại gia. Sau khi thọ năm giới này an trú vững chắc vào đó. Ba nghiệp thiện còn lại, cũng phải thực hành tu tập. Lại nữa, pháp mà Bồ-tát tại gia nên thực hành:

*Tùy thuận làm lợi ích chúng sinh,
Thuyết pháp để giáo hóa mọi người.*

Chúng sinh có những thiếu hụt gì thì Bồ-tát này đều giúp cho họ. Chúng sinh dù ở bất cứ nơi đâu trong nước, như trong thành ấp, xóm làng, bên rừng, dưới bóng cây, hễ thấy những gì có ích lợi thì Bồ-tát thuyết pháp giáo hóa họ. Ai chưa có lòng tin thì Bồ-tát nói pháp khiến họ tin pháp. Ai chưa có lòng cung kính thì nói cho họ biết sự kính lễ. Ai biết ít giáo pháp thì nói cho họ biết thêm nhiều giáo pháp. Ai tham lam keo kiệt thì nói pháp bố thí cho họ. Ai giận dữ thì nói pháp hòa hợp nhẫn nhục cho họ. Ai làm biếng thì nói pháp tinh tiến cho họ. Ai tâm ý rối loạn thì nói pháp Chánh niệm xử cho họ. Ai ngu tối thì đem trí tuệ giảng giải cho họ. Lại nữa:

*Tùy theo những người gặp thiếu thốn,
Cũng thuận lòng cung cấp đầy đủ.*

Chúng sinh có những thiếu hụt gì thì Bồ-tát đều cấp đủ cho họ. Có người tuy giàu mà còn có điều chưa đủ, cho đến vua chúa cũng phải có điều thiếu thốn. Vì vậy, trước tuy nói là đem của cải bố thí cho người nghèo, nhưng nay lại nói là tùy theo những người gặp thiếu hụt mà cấp cho đủ. Lại nữa:

*Có những chúng sinh đầy xấu xa,
Gây ra bao nhiêu chuyện buồn phiền,
Dua nịnh-kiêu căng và phóng túng,
Mắng nhiếc-khinh khi cùng lừa dối,
Vong ân bội nghĩa không đền đáp,
Ngu si bít chặt khó cảm hóa,
Tâm Bồ tát luôn thương xót họ,
Dũng mãnh tinh tiến tu hành thêm.*

Những kẻ ác đem bao chuyện ác gây rắc rối cho Bồ-tát, nhưng tâm Bồ-tát vẫn không biếng trễ chán nản, không cần phải nghĩ như vậy: Kẻ hung dữ như thế, ai có thể điều phục họ được, ai có thể giáo hóa họ được, ai có thể khuyến khích họ được, khiến cho họ vượt qua sinh tử, cuối cùng tới Niết-bàn? Ai mà có thể qua lại sinh tử này với họ? Ai có thể cùng sống chung với họ trong hòa hợp. Mọi điều ác thật vô lý ai có thể chịu đựng nổi? Mình phải chấm dứt việc cứu vớt thôi, không thể cộng sự với họ nữa. Mình hoàn toàn xa rời, không cộng sự với họ, cũng không có thể hòa hợp nổi với họ. Những kẻ ác quá nhiều này, không hề suy nghĩ lại, những hạng ấy làm sao có thể đi theo họ mãi được?

Bồ-tát thấy biết chúng sinh ác như vậy, nhưng không phải khó trừ, cho nên Bồ-tát lại nghĩ như vậy: Những hạng ác như vậy, không phải là ít, phải tinh tiến mới giúp mình trụ vững trong pháp lạc đã có. Bởi vì hạng ấy cho nên tâm mình phải tinh tiến, siêng năng hơn nữa, tinh tiến gấp trăm lần, để sau đó có sức mạnh to lớn mà giáo hóa họ. Hạng ác quá nhiều này, khó lay tỉnh này, Bồ-tát phải như thầy thuốc chịu khó gặp gỡ chúng sinh, dùng một nhân duyên nhỏ cũng có thể chữa trị bệnh nặng của họ. Bồ-tát diệt trừ bệnh phiền não của chúng sinh như vậy, khiến họ tùy ý vui sống trong công đức mà họ đã có. Đối với kẻ trọng tội, kẻ đại ác, mình cần phải phát khởi lòng Đại Bi sâu xa, thương xót họ gấp trăm ngàn lần. Như bậc lương y có lòng thương xót người, sẽ trị lành hẳn mọi căn bệnh, và đối với hạng người bệnh nặng, lương y lại càng thương xót sâu sắc, siêng năng tìm phương cách, tìm thuốc hay cho họ. Bồ-tát cũng như thế, đối với bệnh phiền não của chúng sinh, cần phải hết lòng xót thương sâu nặng. Đối với hạng hết sức ác, thì có nhiều

phiền não nặng, Bồ-tát càng xót thương hơn, siêng năng tìm phương cách, gia tâm trị bệnh tốt hơn. Vì sao?

*Tùy theo nơi Bồ tát cư trú,
Không giáo hóa dẫn dắt chúng sinh,
Để rơi vào trong ba đường ác,
Chư Phật quả trách thật sâu xa.*

Bồ tát tùy theo nơi cư trú, hoặc ở bất cứ đất nước nào, trong thành ấp-thôn làng, dưới tán cây giữa núi rừng, đều đem hết năng lực của mình làm lợi ích mà giáo hóa chúng sinh, nhưng lại lưỡi nhác chán nản, chê bai oán giận, tham đắm trong niềm vui của thế gian, không có năng lực dẫn dắt cảm hóa làm cho rơi vào đường ác, thì Bồ tát này bị Chư Phật hiện tại trong mười phương, chỉ trích rất sâu sắc thật đáng hổ thẹn: Tại sao chạy theo nhân duyên nhỏ mà buông bỏ việc lớn lao? Vì vậy Bồ tát không muốn bị Chư Phật quả trách, cho nên đối với các loại chúng sinh đua nịnh quanh co-xấu xa chông chất, tâm mình không cần phải tránh né mà tùy theo năng lực làm cho có ích, phải dùng mọi phương tiện chịu khó quan tâm cảm hóa dẫn dắt; ví như mãnh tướng dẫn dắt quân lính làm cho nhà vui chịu nhiều tổn thất, thì bị nhà vui quả trách nặng nề, nhưng nếu vì những quân lính không có sự hiểu biết, thì nhà vua không thể quả trách vị tướng.

Phẩm 16: BIẾT NHỮNG TAI HỌA CỦA GIA ĐÌNH

Học tập như vậy cho nên Bồ-tát biết được những lỗi không tốt của đời sống gia đình. Vì sao? Vì biết những thói xấu như vậy thì dễ bỏ nhà đi học đạo. Hoặc chỉ cho người khác, khiến họ biết lỗi lầm của đời sống gia đình mà xuất gia học đạo.

Hỏi: Thế nào là những lỗi lầm của đời sống gia đình?

Đáp: Như kinh nói: “Phật bảo Úc-ca-la: Gia đình là nơi phá các căn thiện. Gia đình là rừng gai góc đầy đặc khó mà tự mình thoát được. Gia đình là nơi phá hoại pháp thanh tịnh. Gia đình là chỗ ở của mọi giặc quán xấu ác. Gia đình là chỗ xấu ác nhất, chỗ ở của phàm phu không điều phục. Gia đình là chỗ ở của hết thảy việc làm không tốt. Gia đình là nơi tụ hội của kẻ ác. Gia đình là chỗ ở của những tham dục, giận dữ, ngu si. Gia đình là chỗ ở của hết thảy phiền não đau khổ. Gia đình là nơi làm tiêu tan hết thảy mọi căn thiện từ đời trước.

Phàm phu ở trong gia đình này, điều không nên làm mà vẫn làm, điều không nên nói mà vẫn nói. Không nên làm mà vẫn làm, là ở trong

phạm vi này người ta khinh mạn, cha mẹ và các bậc thầy dạy, không kính trọng các bậc phước điền tôn quý. Sa môn và Bà-la-môn. Gia đình là nhân duyên của mọi sự tham ái, buồn đau, khổ não tai họa. Gia đình là trứ xứ của mọi điều mắng nhiếc thô lỗ hiểm ác, khổ nhục, dao gậy, trói buộc, đánh đập, cắt xẻ. Chưa gieo trồng thiện căn mà không gieo trồng, đã gieo trồng thì có thể bị hủy hoại. Gia đình luôn luôn làm cho phạm phu vì nhân duyên tham dục này mà rơi vào đường ác, vì nhân duyên sân giận-nhân duyên ngu si mà rơi vào đường ác, vì nhân duyên sợ hãi mà rơi vào đường ác. Gia đình là nơi không giữ gìn giới phẩm, rơi bỏ định phẩm, không thể có quán tuệ phẩm, không đạt được giải thoát phẩm, không phát sinh giải thoát tri kiến phẩm. Sống ở trong gia đình này, tình yêu của cha mẹ, anh em, vợ con quyến thuộc, ngựa xe, làm cho sự tham cầu tăng thêm không còn thỏa mãn được. Gia đình là nơi khó đầy đủ, như biển rộng chứa mọi dòng sông. Gia đình là nơi không còn có gì đầy đủ, như ngọn lửa đốt cháy củi khô. Gia đình là nơi không bao giờ chấm vọng tưởng, sự giác quán phân biệt nối tiếp nhau như gió giữa hư không. Gia đình là quả báo xấu ác của đời sau, như thức ăn ngon có chất độc. Gia đình là tính chất của khổ đau, như kẻ thù giả làm người thân. Gia đình là chướng ngại luôn luôn gây trở ngại cho Thánh đạo. Gia đình là nơi tranh chấp hỗn loạn, đủ các loại nhân duyên trái ngược dẫn nhau. Gia đình là nơi nhiều nóng giận, trách mắng, tốt xấu. Gia đình là vô thường, tuy trải qua lâu dài nhưng cuối cùng phải tàn lụi điêu linh. Gia đình là nơi nhiều đau khổ, vì mong cầu cơm áo cùng mọi cách giữ gìn. Gia đình là nơi nhiều nghi ngờ, giống như kẻ thù. Gia đình là vô ngã mà điên đảo tham trước giả danh cho là có. Gia đình là người vũ nữ, tuy dùng các loại trang điểm nghiêm túc hiện rõ ra là người cao quý, nhưng trong chốc lát thì mọi thứ trang điểm trở lại làm cho hèn hạ. Gia đình là nơi những biến đổi lạ lùng, hội tụ nhất định phải ly tán. Gia đình như huyễn ảo giả dối, nhờ hòa hợp mà có chứ không có thật sự. Gia đình như giấc mộng, tất cả mọi sự giàu sang qua lâu dài thì vẫn mất đi. Gia đình như sương buổi sáng, trong thoáng chốc sẽ tan mất. Gia đình như giọt mật, mùi vị ấy thật ít ỏi. Gia đình như lùm gai, bị gai nhọn của mùi vị năm dục làm tổn thương mọi người. Gia đình là con sâu có miệng bằng sắt, giác quán bất thiện thường rúc rủa ăn thịt người. Gia đình là nơi nhớp sạch lẫn lộn, đời sống có nhiều điều lừa gạt xấu xa. Gia đình là nơi ưu sầu làm cho tâm có nhiều điều hỗn loạn rối ren. Gia đình là nơi bị hủy hoại bởi vua quan-giặc cướp-nước-lửa-oán thân. Gia đình là nơi lấm tịt, lấm những điều sai lầm. Như vậy trưởng giả là Bồ tát tại gia,

cần phải biết rõ mọi tai họa của gia đình như vậy!” Lại nữa:

*Bồ tát thích hợp nên biết rõ,
Sai lầm tai hại của gia đình,
Tự mình thường xuyên hành bố thí,
Trì giới tốt đẹp thường hoan hỷ,
Nếu trông thấy những người xin ăn,
Nên sinh khởi năm loại ba tưởng.*

Bồ-tát tại gia nên biết rành những tai họa và lầm lỗi của gia đình như vậy. Phải thực hành bố thí, trì giới thật tốt đẹp. Bố thí là bỏ tâm tham. Trì giới là thân khẩu ý thanh tịnh. Thiệp là khéo thâu nhiếp các căn. Thường hoan hỷ là tâm cùng hoan hỷ. Năm loại ba tưởng là khi thấy người xin ăn nên phát sinh năm loại ba tưởng. Ba tưởng đầu là ý tưởng về thiện tri thức, ý tưởng chuyển thân được giàu có ý tưởng hỗ trợ Bồ đề.

Lại có ba ý tưởng:

1. Ý tưởng loại trừ tánh tham lam keo kiệt.
2. Ý tưởng xả bỏ hết thảy.
3. Ý tưởng ham cầu có được hết thảy trí tuệ.

Lại có ba ý tưởng:

1. Ý tưởng làm theo lời Như Lai dạy bảo.
2. Ý tưởng không cầu quả báo.
3. Ý tưởng làm cho các ma phải khuất phục

Lại có ba ý tưởng:

1. Ý tưởng nhìn người đến xin như quyền thuộc của mình.
2. Ý tưởng không buông bỏ nhiếp pháp.
3. Ý tưởng buông bỏ sự tiếp nhận tà vạy.

Lại có ba ý tưởng:

1. Ý tưởng xa lìa ham muốn.
2. Ý tưởng tu hành tâm Từ.
3. Ý tưởng không ngu si.

Nay sẽ giải thích về ba ý tưởng thứ năm:

1. Nhân có người đến xin, Bồ-tát chiết phục làm cho ba độc giảm đi, xả bỏ đồ vật đã đem bố thí, phát sinh ý tưởng lìa khỏi ham muốn.

2. Ai đến xin là nguyện nhân để giúp cho họ niềm vui, khiến tâm sân hận giảm đi, gọi là ý tưởng tu hạnh Từ.

3. Đem công đức thí này hồi hướng về đạo vô thượng thì tâm ngu si sẽ giảm đi, đó gọi là ý tưởng không ngu si.

Còn nghĩa của các ý tưởng khác, cũng nên biết như vậy. Lại nữa:

*Bồ tát nhờ vào người cầu xin,
Thực hành đủ sáu Ba-la-mật,
Nhờ vào những nhân duyên như vậy,
Gặp người cầu xin rất hoan hỷ.*

Sáu Ba-la-mật là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ. Bởi vì nhờ có người cầu xin mới có thể thực hành đủ Ba-la-mật, đó là ích lợi. Khi thấy kẻ xin từ xa đang đến, Bồ-tát sinh tâm cả mừng, nghĩ như vậy: Thực hành phước điền tự nhiên mà đến. Nhờ có người này, mình mới được đầy sáu Ba-la-mật. Vì sao? Vì khi đem vật giúp cho mà tâm không ham tiếc, đó mới gọi là Bố thí Ba-la-mật. Bố thí là vì quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó gọi là Trì giới Ba-la-mật. Nếu không nóng giận đối với kẻ ăn xin thì gọi là Nhẫn nhục Ba-la-mật. Đang khi bố thí mà tâm không lo lắng, không sợ thiếu hụt, không rút lui lẩn tránh, đó gọi là Tinh tiến Ba-la-mật. Nếu cho người xin như cho chính mình thì tâm chắc chắn không hối tiếc, đó gọi là Thiền định Ba-la-mật. Vì hết thấy pháp các không thể nắm bắt được mà làm việc bố thí, không cầu quả báo, như Hiền Thánh không vướng mắc, đem công đức bố thí hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó gọi là Trí tuệ Ba-la-mật. Lại nữa:

*Quả báo nhờ bố thí mọi vật,
Các loại đều có thể biết được,
Người tại gia keo kiệt tiếc nuối,
Cũng biết rõ các loại lỗi lầm.*

Những vật mà mình đem bố thí đều được công đức lợi vật. Người tại gia keo kiệt luyến tiếc, hết thấy lỗi xấu ấy, Bồ-tát đều biết rõ.

Hỏi: Bố thí thì được công đức gì? Người tại gia tiếc của, không bố thí thì mắc lỗi lầm gì?

Đáp: Bồ tát dùng trí tuệ chân thật biết như vậy: Vật đem cho rồi là vật của mình. Vật còn trong nhà không phải là của mình. Vật đã cho rồi mới bền chắc, vật còn trong nhà không bền chắc. Vật đã cho là niềm vui đời sau, vật trong nhà chỉ là cái niềm vui chốc lát. Vật đã cho thì không lo giữ, vật còn trong nhà phải lo giữ. Vật đã cho làm giảm đi tâm ái dục, vật còn trong nhà làm tăng thêm lòng ái dục. Vật đã cho rồi không còn ngã sở, vật còn trong nhà thì còn ngã sở. Vật đã cho không có nơi hệ thuộc, vật trong nhà còn có nơi hệ thuộc. Vật đã cho không có gì lo sợ, vật còn trong nhà gây nhiều lo sợ. Vật đã cho giúp đạo Bồ-đề, vật còn trong nhà giúp cho ma đạo. Vật đã cho thì không hết, vật còn trong nhà thì có cạn. Vật đã cho thì từ đó mà được niềm vui, vật còn

trong nhà thì từ đó mà bị khổ. Bồ thí rồi là buông bỏ phiền não, còn vật trong nhà thì tăng thêm phiền não. Vật đã cho thì được vui giàu có, vật còn trong nhà thì không được niềm vui giàu có. Bồ thí rồi là nghiệp Đại nhân, còn trong nhà là nghiệp tiểu nhân. Đã thí thì chư Phật khen, còn trong nhà thì ngu si khen. Lại nữa:

*Đối với vợ con và quyến thuộc,
Cùng với các bậc thiện tri thức,
Bồ thí tiền bạc và súc sinh,
Nên phát sinh ý tưởng huyễn hóa,
Tất cả mọi hành động của nghiệp,
Đều là do huyễn sư làm ra.*

Bồ tát tại gia đối với vợ con..., nên sinh ý tưởng huyễn hóa, như sự việc huyễn hóa chỉ lừa được mắt người hành nghiệp là chủ nhân huyễn hóa, mọi chuyện như vợ con... không mấy chốc sẽ phai mờ. Như kinh nói: “Đức Phật bảo với các Tỳ-kheo: Các hành như huyễn hóa, lừa dối làm mê hoặc người ngu si, chứ không có thật sự. Nên biết rằng bởi vì nghiệp mà có, nghiệp hết thì diệt đi, vì vậy giống như trò huyễn hóa”. Bồ tát dấy lên ý niệm như vậy.

*Ngã không phải nó là vốn có,
Nó không phải là ngã vốn có,
Nó và Ngã đều thuộc về nghiệp,
Tùy theo nghiệp nhờ duyên mà có,
Tư duy thực sự đúng như vậy,
Không nên phát khởi những ác nghiệp.*

Cha mẹ-vợ con-bà con-tri thức-tôi tớ trai gái hầu hạ..., không có thể làm nơi cứu giúp, làm nơi nương nhờ, làm nơi quay về cho mình được, chẳng phải Ngã-chẳng phải Ngã sở; năm ấm-mười hai nhập-mười tám giới, hãy còn chẳng phải là Ngã-chẳng phải là Ngã sở, huống hồ cha mẹ-vợ con...? Mình cũng không có thể làm nơi cứu giúp, làm nơi nương nhờ, làm nơi quay về cho họ được; mình cũng thuộc về nghiệp, tùy theo nghiệp mà nhận lấy, họ cũng thuộc về nghiệp tùy theo nghiệp mà nhận lấy. Quả báo tốt xấu tùy theo ba loại như vậy:

1. Có nghĩa lý.
2. Thấy kinh nói.
3. Thấy sự việc hiện tại.

Không nên vì cha mẹ-vợ con... mà phát khởi mảy may ác nghiệp của thân-miệng-ý. Lại nữa:

Bồ tát đối với vợ của mình,

*Nên có ba loại về ba tướng,
Cũng còn có ba loại ba tướng,
Lại có ba loại ba tướng.*

Bồ tát tại gia nên sinh ra các loại về ba tướng. Vốn gọi là ba tướng, đó là đối với vợ thì có ý tướng về vô thường, ý tướng về mất mát, ý tướng về tan hoại.

Lại có ba tướng: Là bạn cùng đùa chứ không phải là bạn của đời sau, là bạn cùng ăn chứ không phải là bạn cùng nhận lấy quả báo của nghiệp, là bạn lúc vui chứ không phải là bạn lúc khổ.

Lại có ba tướng: Là tướng về bất tịnh, tướng về dơ bẩn hôi hám, tướng về đáng chán ngán vô cùng.

Lại có ba tướng: Là tướng về oan gia, tướng về sự não hại, tướng về trái ngược nhau.

Lại có ba tướng: Là tướng về La sát, tướng về quỷ Tỳ-xá-xà, tướng về xấu xí khó coi.

Lại có ba tướng: Là tướng đi vào địa ngục, tướng đi vào súc sinh, tướng đi vào ngạ quỷ.

Lại có ba tướng: Tướng về gánh nặng, tướng về giảm bớt, tướng về hệ thuộc sợ hãi.

Lại có ba tướng: Tướng về không có Ngã, tướng về hệ thuộc không chắc chắn, tướng về giả tạm không thật.

Lại có ba tướng: Tướng về nhân tố khởi lên ác nghiệp của thân, tướng về nhân tố khởi lên ác nghiệp của miệng, tướng về nhân tố khởi lên ác nghiệp của ý.

Lại có ba tướng: Tướng về nơi cảm nhận ham muốn, tướng về nơi cảm nhận giận dữ, tướng về nơi cảm nhận buồn phiền.

Lại có ba tướng: Tướng về gông cùm, tướng về xiềng xích, tướng về trói buộc.

Lại có ba tướng: Tướng về ngăn cản trì giới, tướng về ngăn cản thiền định, tướng về ngăn cản trí tuệ.

Lại có ba tướng: Tướng về hầm hố, tướng về lưới giăng, tướng về bao vây khó thoát.

Lại có ba tướng: Tướng về tai hại, tướng về bệnh tật, tướng về suy sụp buồn phiền.

Lại có ba tướng: Tướng về tội lỗi, tướng về thân đen thui, tướng về tai họa mưa đá.

Lại có ba tướng: Tướng về bệnh, tướng về già, tướng về chết.

Lại có ba tướng: Tướng về ma, tướng về nơi ở của ma, tướng về

sợ hãi.

Lại có ba tướng: Tướng về ưu sầu, tướng về áo não, tướng về khóc lóc nỉ non.

Lại có ba tướng: Tướng về loài sài lang lớn, tướng về loài các Ma-kiệt lớn, tướng về loài chồn cáo lớn.

Lại có ba tướng: Tướng về loài rắn độc đen thui, tướng về loài cá Tầm trơn tuột, tướng về thế lực cướp đoạt.

Lại có ba tướng: Tướng về không có sự cứu giúp, tướng về không có nơi quy tụ, tướng về không có xả bỏ.

Lại có ba tướng: Tướng về mất mát, tướng về hủy bỏ, tướng về mệt mỏi rã rời.

Lại có ba tướng: Tướng về giặc cướp, tướng về cai ngục, tướng về cai ngục dưới âm ty.

Lại có ba tướng: Tướng về giữ lại, tướng về trói buộc, tướng về thắt chặt.

Lại có ba tướng: Tướng về bùn lầy, tướng về dòng chảy, tướng về trôi nổi.

Lại có ba tướng: Tướng về xiềng xích, tướng về gông cùm, tướng về dính chặt.

Lại có ba tướng: Tướng về đồng lửa cháy rừng, tướng về vòng dao xoay tròn, tướng về bó đuốc cỏ.

Lại có ba tướng: Tướng về không lợi ích gì, tướng về gai nhọn, tướng về sự ác độc.

Lại có ba tướng: Tướng về lấn át người trên, tướng về che kính ánh sáng, về tham lam đấm trước.

Lại có ba tướng: Tướng về cầm hận, tướng về roi gậy, tướng về gươm giáo nhọn sắc.

Lại có ba tướng: Tướng về giận dữ, tướng về tranh cãi, tướng về gậy đánh.

Lại có ba tướng: Tướng về oán ghét gặp nhau, tướng về yêu thương chia lìa, tướng về ồn náo loạn.

Nói tóm lại, là dùng ý tướng về tất cả đều hôi hám xấu xa bất tịnh, ý tướng về tất cả đều là suy sụp hỗn loạn, ý tướng về tất cả đều là căn bất thiện. Vì vậy Bồ tát tại gia đối với vợ con nhìn thấy mọi ý tướng như vậy, nên sinh tâm chán ngán rời xa mà xuất gia tướng về thiện-hành thiện. Nếu không thể xuất gia được, thì không nên đối với vợ mình mà dấy khởi những ác nghiệp. Lại nữa:

Nếu đối với con cứ yêu thương,

*Thì dùng sức trí tuệ rời bỏ,
Nhờ vào con mà hành bình đẳng,
Yêu thương tất cả mọi chúng sinh.*

Bồ tát tại gia, nếu tự biết tâm mình yêu thương rất nhiều đối với con cái, thì dùng sức mạnh của trí tuệ mà tư duy lìa bỏ. Sức mạnh của trí tuệ thuận theo nghĩ như vậy: Tâm Bồ tát bình đẳng, mới có sự thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm phân biệt cao thấp thì không có Bồ đề. Đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác này, từ một tướng vô tướng mà đạt được, chứ không đạt được từ những tướng phân biệt. Nay mình cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu đối với con cái mà tâm yêu quý quá nhiều thì có phân biệt cao thấp, không gọi là bình đẳng, tức là tướng sai khác chứ không phải là một tướng như nhau. Nếu như vậy thì cách ly với đại Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thật là rất xa. Vì vậy mình không nên đối với con cái mà cứ sinh tâm yêu quý. Lúc bấy giờ đối với con cái cần phải phát sinh ba ý tưởng.

1. Đối với mình thì con cái là giặc, Đức Phật dạy yêu thương bình đẳng để phá tan tâm niệm không bình đẳng, vốn là tâm yêu quý thiên lệch quá nhiều.

2. Bị giặc làm hại nguyên nhân là con cái gây ra, làm cho tan tành các thiện căn, ngăn chặn mạng sống của chánh trí.

3. Mình do con cái mà đi trong con đường trái ngược chứ không đi theo con đường thuận lợi.

Ngay lập tức nhờ con cái mà thực hành tâm từ bình đẳng đối với mọi chúng sinh, nên dấy lên nghĩ như vậy: Con cái từ nơi khác đến, mình cũng từ nơi khác mà đến, con đến chỗ khác, mình đi chỗ khác, mình không biết chỗ con đi, con không biết chỗ mình đi, con không biết nơi mình đến, mình không biết nơi con đến, thì con cái không phải là mình vốn có, vì sao vô cớ sinh ra nhiều điều yêu quý mà chịu ràng buộc? Như nói:

*Con và mình không quen biết nhau,
Nơi nào đến và đi về đâu,
Con và mình tại sao thân thiết,
Mà sinh ra tâm chấp của mình?*

Vả lại, trong dòng sinh tử từ vô thủy, tất cả chúng sinh đã từng làm con mình, mình cũng từng làm con của họ. Trong pháp hữu vi không có gì quyết định được đây là con mình-kia là con người khác. Tại vì sao? Bởi vì chúng sinh xoay vòng qua lại trong sáu đường cùng làm cha con

lẫn nhau. Như nói:

*Vô minh che mờ mắt trí tuệ,
Liên tục nhiều đời trong sinh tử,
Qua lại đã tạo ra nhiều nghiệp,
Trải qua làm cha con lẫn nhau.
Tham đắm niềm vui của thế gian,
Không biết có việc làm tốt đẹp,
Oán thù cho rằng là quen biết,
Quen biết lại cho là kẻ thù.*

Vì vậy mình phương tiện đừng sinh tâm yêu ghét, tại vì sao? Bởi vì nếu có thiện tri thức thì luôn luôn mong cầu các loại lợi ích, nếu có giặc thù thì luôn luôn nảy sinh các loại ý tưởng không ích lợi gì. Có tâm yêu ghét như vậy thì không có được ý tưởng thông suốt về các pháp bình đẳng. Tâm phân biệt cao thấp thì sau khi chết sẽ sinh vào nơi tà vạy, thực hành ngay thẳng thì sau khi chết sẽ sinh vào nơi thực hành ngay thẳng. Vì vậy mình không nên làm theo hạnh tà, mà thực hành bình đẳng đối với chúng sinh, thì sẽ đạt được trí Tát-bà-nhã bình đẳng.

* * * * *